

Số: 17/2008/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bảo trì các công trình thuộc dự án "Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng" (CBRIP) và dự án "Xoá đói giảm nghèo đa mục tiêu huyện Vũ Quang và vùng phụ cận" (MPRP) tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Hiệp định Tín dụng Phát triển Cr 3532-VN ngày 6/11/2001 giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 22/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án "Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng";

Căn cứ Hiệp định vay vốn số 955P ngày 3/12/2003 giữa Quỹ OPEC về phát triển quốc tế OFID và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với mục tiêu cung cấp tài chính cho dự án "Xoá đói giảm nghèo đa mục tiêu huyện Vũ Quang và vùng phụ cận" tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông tư 08/2006/TT-BXD ngày 24/11/2006 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 333/TTr-SKH ngày 12/5/2008, kèm theo Văn bản thẩm định số 384/BC-STP ngày 26/5/2007 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về công tác bảo trì các công trình thuộc dự án "Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng" (CBRIP) và dự án "Xoá đói giảm nghèo đa mục tiêu huyện Vũ Quang và vùng phụ cận" (MPRP) Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành liên quan; Giám đốc Ban Quản lý dự án CBRIP-MPRP tỉnh Hà Tĩnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã trong vùng dự án và Chủ quản lý sử dụng các công trình thuộc các Dự án nói trên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KT văn bản - Bộ Tư pháp;
- T.Tr Tỉnh uỷ, T.Tr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Kho Bạc nhà nước tỉnh;
- Các Phó VP/UB;
- Các tổ CV;
- Lưu: VT-CN;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

Hà Tĩnh, ngày tháng 6 năm 2008

QUY ĐỊNH

Về công tác bảo trì công trình thuộc các dự án: "Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng" (CBRIP) và "Xoá đói giảm nghèo đa mục tiêu huyện Vũ Quang và vùng phụ cận" (MPRP) tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 177/2008/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này được áp dụng đối với 6 nhóm công trình (đường giao thông; hệ thống cung cấp nước sạch; hệ thống thủy lợi; các công trình phúc lợi; các công trình phòng chống lũ và các công trình cung cấp điện) thuộc dự án CBRIP Hà Tĩnh và các công trình thuộc 5 nhóm (cơ sở hạ tầng giáo dục; giao thông nông thôn; hệ thống thủy lợi quy mô nhỏ; mạng lưới điện nông thôn và chợ nông thôn) thuộc dự án MPRP Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình thuộc dự án: "Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng" (CBRIP) Hà Tĩnh và dự án "Xoá đói giảm nghèo đa mục tiêu huyện Vũ Quang và vùng phụ cận" (MPRP) Hà Tĩnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với việc bảo trì công trình xây dựng tại Điều 1 quy định này.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ.

1. Hoạt động bảo trì công trình bao gồm các công việc sau:

- Khảo sát hiện trạng, đánh giá chất lượng công trình;
- Lập kế hoạch bảo trì công trình;
- Lựa chọn tổ chức thực hiện bảo trì công trình;
- Thực hiện bảo trì công trình theo chế độ quy định;
- Quản lý các công tác bảo trì công trình;

2. Chế độ bảo trì công trình bao gồm:

- Chế độ bảo trì thường xuyên;
- Chế độ bảo trì định kỳ;
- Chế độ bảo trì đột xuất;

3. Cấp bảo trì công trình, bao gồm:

- Cấp duy tu, bảo dưỡng;
- Cấp sửa chữa nhỏ;

- Cấp sửa chữa vừa;
- Cấp sửa chữa lớn.

4. Đánh giá chất lượng công trình: là quá trình phân tích kết quả khảo sát hiện trạng công trình để kết luận về an toàn trong khai thác sử dụng, vận hành, khai thác công trình; dự báo về chất lượng và khả năng sử dụng công trình trong tương lai.

Điều 4. Mục đích việc bảo trì công trình.

1. Bảo trì công trình nhằm duy trì những đặc trưng kỹ thuật, mỹ thuật và công năng công trình đảm bảo công trình vận hành, khai thác, sử dụng phù hợp với yêu cầu của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng.
2. Đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng công trình.

Điều 5. Yêu cầu của hoạt động bảo trì công trình.

1. Mọi công trình hạ tầng do dự án CBRIP và dự án MPRP đầu tư xây dựng phải thực hiện chế độ bảo trì công trình kể từ khi bắt đầu đưa vào sử dụng.
2. Chủ quản lý sử dụng công trình cần có kế hoạch tổng thể về bảo trì công trình gồm công tác khảo sát hiện trạng, lập kế hoạch vốn, kiểm tra xác định mức độ và tốc độ xuống cấp, đánh giá chất lượng công trình và thực hiện công việc sửa chữa công trình khi cần thiết.

Điều 6. Nội dung bảo trì công trình.

1. Công tác bảo trì công trình được thực hiện theo thiết kế bảo trì do nhà thầu thiết kế lập và theo tiêu chuẩn kỹ thuật hướng dẫn công tác bảo trì.
2. Thống kê và phân tích các dạng hư hỏng công trình.
3. Quản lý kỹ thuật về công tác bảo trì công trình.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ quản lý sử dụng công trình trong hoạt động bảo trì công trình.

1. Thực hiện theo điều 34 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng như sau:
 - Tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo chế độ bảo trì công trình.
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chất lượng công trình bị xuống cấp do không thực hiện chế độ bảo trì công trình theo quy định.
2. Hàng năm, đơn vị, tổ chức trực tiếp quản lý sử dụng công trình lập kế hoạch vốn cho công tác bảo trì công trình để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Chương II

CHẾ ĐỘ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Điều 8. Chế độ bảo trì công trình.

Bảo trì là công việc được thực hiện đối với mọi công trình nhằm phát hiện sự xuống cấp, hư hỏng và sửa chữa kịp thời. Việc bảo trì cần được duy trì trong suốt thời gian sử dụng công trình theo 3 chế độ sau đây:

1. Chế độ bảo trì thường xuyên: là quá trình kiểm tra, xem xét công trình thường xuyên bằng mắt và bằng các phương tiện đơn giản để phát hiện kịp thời dấu hiệu xuống cấp, đồng thời tiến hành duy tu bảo dưỡng hoặc sửa chữa nhỏ. Chế độ bảo trì thường xuyên áp dụng cho bảo trì cấp duy tu bảo dưỡng và bảo trì cấp sửa chữa nhỏ.

2. Chế độ bảo trì định kỳ: là quá trình khảo sát công trình theo chu kỳ để phát hiện các dấu hiệu xuống cấp cần khắc phục sớm, đồng thời tiến hành sửa chữa vừa hoặc sửa chữa lớn. Chế độ bảo trì định kỳ áp dụng cho bảo trì cấp sửa chữa vừa và bảo trì cấp sửa chữa lớn.

3. Chế độ bảo trì đột xuất: là quá trình khảo sát đánh giá công trình khi công trình có những hư hỏng nếu không sửa chữa ngay sẽ giảm nhanh chất lượng, làm tăng chi phí bảo trì công trình hoặc những hư hỏng đột biến ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn sử dụng, vận hành công trình và có khả năng xảy ra sự cố. Chế độ bảo trì đột xuất được áp dụng cho tất cả các cấp bảo trì.

Điều 9. Thời hạn thực hiện bảo trì công trình.

Thời hạn bảo trì công trình được tính từ ngày nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng cho đến khi hết niên hạn sử dụng theo quy định của nhà thiết kế xây dựng hoặc khi công trình đã hư hỏng hoàn toàn không sử dụng được.

Điều 10. Trình tự thực hiện công tác bảo trì công trình.

1. Đối với công trình do xã quản lý:

Sau khi có báo cáo về chất lượng công trình của chủ quản lý sử dụng, UBND xã tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, xác định mức độ, nguyên nhân gây ra hư hỏng và biện pháp khắc phục.

2. Đối với công trình huyện quản lý:

Sau khi có báo cáo về chất lượng công trình của Chủ quản lý sử dụng, UBND huyện giao các phòng chuyên môn trực tiếp kiểm tra xác định danh mục các công trình cần bảo trì tổng hợp (có thuyết minh kèm theo) báo cáo gửi về phòng chuyên môn có liên quan tổ chức thẩm định và trình UBND huyện (thành phố, thị xã) xem xét quyết định. Sau khi có quyết định danh mục công trình bảo trì của UBND huyện (thành phố, thị xã), việc thực hiện duy tu bảo dưỡng được giao phòng chuyên môn hoặc thuê tư vấn trên cơ sở hồ sơ tài liệu hoàn công công trình (hồ sơ pháp lý, tài liệu quản lý chất lượng), tiêu chuẩn kỹ thuật đã sử dụng để thiết kế chế tạo, sản xuất vật liệu, vật tư, thiết bị của công trình; nhật ký theo dõi quá trình vận hành sử dụng của công trình và kết quả điều tra, khảo sát tiến hành lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật gồm: dự toán bảo trì và thuyết minh kèm theo.

Dự toán bảo trì công trình được áp dụng theo Thông tư số 01/2006/TT-BXD ngày 17/5/2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư và xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006- 2010.

Riêng với công trình có sử dụng một số loại vật liệu khai thác tại chỗ thì chi phí các loại vật liệu này được tính theo giá mua thực tế phù hợp với mặt bằng giá tại địa phương và được tính bù trừ chênh lệch về giá mua vật liệu trong dự toán

xây dựng. Chủ tịch UBND huyện xác định giá và cự ly vận chuyển các loại vật liệu trong từng thời điểm để làm cơ sở lập dự toán và thanh quyết toán.

Điều 11. Tổ chức thi công xây dựng, nghiệm thu, bảo hành công tác bảo trì công trình.

1. Thực hiện bảo trì công trình: Giao Chủ quản lý sử dụng công trình làm chủ đầu tư hoặc ủy quyền cho thôn bản là người trực tiếp hưởng lợi công trình.

2. Đối với sửa chữa nhỏ, các đơn vị, tổ chức nhận thầu bảo trì do chủ đầu tư lựa chọn (không nhất thiết phải có tư cách pháp nhân) ưu tiên cho các tổ thợ địa phương có tay nghề, có năng lực tổ chức thực hiện.

3. Chủ đầu tư trực tiếp ký kết hợp đồng với đơn vị, tổ chức nhận thầu.

4. Thành phần nghiệm thu bảo trì gồm: Chủ đầu tư; đại diện tổ chức nhận thầu thi công; đơn vị quản lý, sử dụng; Ban giám sát xã; tùy theo từng loại công trình cần phải có thành viên phòng chuyên môn cấp huyện tham gia (đối với các công trình do huyện quản lý).

5. Đơn vị, tổ chức thi công phải chịu trách nhiệm bảo hành công việc bảo trì do mình thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

Điều 12. Nguồn vốn và cơ chế thanh quyết toán vốn thực hiện bảo trì công trình.

1. Nguồn vốn: Sau thời hạn bảo hành nguồn vốn cho bảo trì công trình tùy theo tình hình thực tế, điều kiện và tính chất của công trình sẽ được thực hiện từ các nguồn:

- Sự hỗ trợ của cấp trên (nếu có).
- Ngân sách huyện (thành phố, thị xã) đối với các công trình do huyện trực tiếp quản lý.
- Ngân sách xã (phường, thị trấn) .
- Đóng góp tự nguyện của người hưởng lợi bằng tiền, công lao động hoặc vật liệu sẵn có tại địa phương.

2. Cơ chế thanh quyết toán vốn: Thực hiện theo luật ngân sách và các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng ngân sách.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố, thị xã.

1. Hàng năm trên cơ sở báo cáo nhu cầu bảo trì các công trình của các chủ sử dụng, các phòng chức năng quản lý, thực hiện kiểm tra thực tế, xác định danh mục công trình cần bảo trì.

2. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình.

3. Căn cứ khả năng đáp ứng của ngân sách huyện, sự hỗ trợ của cấp trên (nếu có) và báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã phê duyệt, quyết định mức vốn cụ thể cho bảo trì từng công trình.

4. Tổ chức thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn bảo trì.

5. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các Chủ quản lý sử dụng thực hiện việc bảo trì đúng quy định.

6. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo về UBND tỉnh, Ban Quản lý dự án tỉnh và các Sở, ngành có liên quan tình hình thực hiện và kết quả công tác bảo trì.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND xã.

1. Hàng năm, kiểm tra, theo dõi tổng hợp nhu cầu bảo trì công trình.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ quản lý sử dụng, Chủ đầu tư theo quy định.

3. Vận động nhân dân đóng góp tiền, ngày công, vật liệu theo quy định tại mục 1 Điều 12 của Quy định này.

4. Công trình bảo trì thuộc địa phương nào thì sử dụng nhân công địa phương đó thì công, hạn chế mức thấp nhất việc thuê thợ và nhân công địa phương khác.

Điều 15. Trách nhiệm của Chủ quản lý, sử dụng công trình.

1. Quản lý, khai thác sử dụng công trình có hiệu quả. Trong trường hợp bị hư hỏng phải làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, quy rõ trách nhiệm để xử lý theo quy định pháp luật.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, đánh giá chất lượng công trình;

Báo cáo, đề xuất UBND xã (hoặc UBND huyện, thành phố, thị xã) nhu cầu bảo trì công trình khi bị hư hỏng.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề cần bổ sung sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~

Võ Kim Cự